

THE CURRENT STATUS OF THE ORGANIZATION OF MASS SPORTS ACTIVITIES AT COMMUNIES, WARDS AND TOWNS OF THANH HOA PROVINCE IN THE PERIOD 2016 - 2021

Trinh Ngoc Trung^a

Le Thi Thanh Loan^b

^aThanh Hoa University of Culture, Sports and Tourism

Email: trinhngoctrung@dvttd.edu.vn

^bThanh Hoa University of Culture, Sports and Tourism

Email: lenthithanhloan@dvttd.edu.vn

Received: 08/7/2022

Reviewed: 27/9/2022

Revised: 23/10/2022

Accepted: 25/10/2022

Released: 30/10/2022

Based on the investigation, survey and assessment of mass sports activities in communes, wards and towns of Thanh Hoa province in the period 2016 - 2021, the authors build a model for organizing these activities. achieve higher efficiency to improve the quality of public health.

Key words: Organization; Sports activities; Communes; Wards and towns of Thanh Hoa province.

1. Giới thiệu

Thực hiện Quyết định số 5118/QĐ-UBND Thanh Hóa ngày 30/12/2016 về việc phê duyệt “Đề án phát triển thể dục thể thao tỉnh Thanh Hóa trở thành trung tâm mạnh hàng đầu của cả nước vào năm 2020, định hướng đến năm 2025”, và Quyết định số 4804/QĐ-UBND Thanh Hóa ngày 29/11/2021 về việc phê duyệt đề cương nhiệm vụ đề án “Phát triển thể dục thể thao của tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, trong những năm qua, cùng với những thành tựu của công cuộc đổi mới, phong trào thể dục thể thao (TDTT) quần chúng Thanh Hóa đã có bước phát triển và tiến bộ rõ rệt. Nhu cầu tập luyện TDTT của các đối tượng nhân dân từ thiếu niên, nhi đồng đến người cao tuổi, từ các hội viên nông dân đến tầng lớp trí thức, từ thành thị đến nông thôn, từ người bình thường đến người khuyết tật đều tăng cao; số người tập luyện thường xuyên và tỷ lệ gia đình thể thao hàng năm đều tăng.

Để có sức khỏe tốt với sự nỗ lực của mỗi cá nhân là chưa đủ, mà cần có sự đóng góp của cả cộng đồng, của toàn xã hội trong việc chăm sóc sức khỏe nhân dân, chúng tôi tiến hành khảo sát và đánh giá thực trạng hoạt động TDTT quần chúng tại các xã/ phường/ thị trấn/ tỉnh

Thanh Hóa giai đoạn (2016 - 2021) làm tiền đề để xây dựng mô hình tổ chức hoạt động thể thao quần chúng tại các xã/ phường/ thị trấn/ tỉnh Thanh Hóa.

2. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

Hoạt động TDTT quần chúng như một hoạt động thường xuyên được tổ chức trong các thiết chế văn hóa, cụ thể là Trung tâm Văn hóa - Thể thao của xã, Nhà văn hóa - Khu thể thao phố, thôn. Trong luận án “Nghiên cứu phát triển TDTT quần chúng ở nông thôn vùng đồng bằng sông Hồng” (2015), tác giả Phạm Thanh Cẩm đã tập trung phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động TDTT quần chúng ở nông thôn vùng đồng bằng sông Hồng, gồm thực trạng về mô hình tổ chức hoạt động các câu lạc bộ TDTT, cơ sở vật chất, kinh phí hoạt động, số người dân tham gia hoạt động TDTT, số gia đình thể thao... tác giả Lê Văn Chanh (2019) với đề tài “Chính sách phát triển phong trào thể thao quần chúng trên địa bàn huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam” và tác giả Trà Tấn Bình (2021) với đề tài “Quản lý hoạt động thể dục thể thao quần chúng trên địa bàn huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam” cùng tập trung giải quyết các vấn đề lý luận về chính sách trong lĩnh vực thể thao quần chúng; đánh giá thực trạng triển khai các chính sách liên quan đến thể thao quần chúng trên địa bàn huyện Thăng Bình, những thành công và hạn chế từ đó đưa ra một số giải pháp, khuyến nghị về chính sách phát triển thể thao trên địa bàn huyện. Đây là công trình khá gần gũi với hướng nghiên cứu của đề tài, cùng địa bàn nghiên cứu và chính sách là một phần không thể thiếu của công tác quản lý nhà nước về văn hóa (trong đó có phong trào thể thao) nên rất hữu ích cho việc tham khảo trong quá trình nghiên cứu các nội dung của bài viết.

3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Quá trình nghiên cứu bài viết đã sử dụng các phương pháp: Phân tích và tổng hợp tài liệu để làm cơ sở lý luận đưa ra những nhận định có tính tương minh và khoa học cho bài viết; phương pháp phỏng vấn, điều tra xã hội học để làm rõ hơn thực trạng hoạt động, thực trạng tổ chức, quản lý TDTT quần chúng ở xã/ phường/ thị trấn tỉnh Thanh Hóa; phương pháp toán học thống kê để đưa ra các chỉ số đánh giá thực trạng, xác định nguyên nhân từ đó xây dựng mô hình tổ chức hoạt động TDTT quần chúng ở xã/ phường/ thị trấn tỉnh Thanh Hóa một cách có hiệu quả.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thực trạng hoạt động TDTT quần chúng tại các xã/ phường/ thị trấn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2021

4.1.1. Kết quả khảo sát khu vực các huyện miền núi Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2021

Bảng 1: Thực trạng tổ chức hoạt động TDTT quần chúng ở xã/ phường/ thị trấn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2021 khu vực các huyện miền núi (n=11)

Nội dung	Năm						Trung bình	Ghi chú
	2016	2017	2018	2019	2020	2021		
Số lượng câu lạc bộ TDTT đang hoạt động tại địa bàn huyện	52.0	54.6	59.3	42.5	45.0	47.1	50.1	Số CLB
Số người dân thường xuyên	23.0%	24.9%	26.4%	27.5%	28.8%	29.6%	26.7%	Tỷ lệ %

THỂ DỤC THỂ THAO

tham gia hoạt động TDTT hiện tại trên địa bàn huyện								
Số cộng tác viên (hướng dẫn viên) TDTT hiện tại trên địa bàn huyện	52.0	52.0	52.4	52.3	52.3	53.4	52.4	Số CTV
Số công trình thể thao cơ sở vật chất hiện tại trên địa bàn huyện								
Tổng số nhà tập luyện, thi đấu thể thao đa năng	1.3	1.5	1.9	2.0	2.4	3.1	2.0	Tổng số công trình thể thao đang sử dụng cho hoạt động TDTT trên địa bàn
Tổng số nhà tập luyện, thi đấu thể thao đơn môn	1.4	1.7	2	2.3	2.6	3.4	2.2	
Tổng số bể bơi	1.3	1.3	1.7	2.3	3	3.4	2.2	
Tổng số sân vận động có khán đài	0.7	0.9	0.9	1.4	2	2.0	1.3	
Tổng số sân vận động không khán đài	9.3	11.2	11.7	12	12	12.2	11.4	
Tổng số sân bóng đá mi ni	49.6	53.4	55.4	57	53.3	55.7	54.1	
Tổng số sân bóng chuyền	116.1	118.6	120.5	122.1	124	127.2	121.4	
Tổng số sân bóng rổ	8.1	8.4	8.9	9.8	9.8	10.2	9.2	
Tổng số sân cầu lông	66	69.4	72.3	74.0	77	80	73.1	
Tổng số sân quần vợt	0.3	0.3	0.3	0.3	0.3	0.7	0.37	
Số giải thể thao tổ chức hàng năm trên địa bàn huyện								
Tổng số giải thể thao quần chúng do Ủy ban Nhân dân cấp xã quyết định tổ chức	27.8	44.1	38.0	34.4	25.1	16.7	26.3	Tổng số giải thể thao quần chúng được tổ chức trên địa bàn
Tổng số giải thể thao quần chúng do Ủy ban Nhân dân cấp huyện quyết định tổ chức	3.3	4.0	3.3	3.1	2.3	1.8	2.9	
Tổng số giải thể thao quần chúng do Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh quyết định tổ chức	15	29	24	14	15	20	19.5	
Kinh phí hoạt động TDTT trên địa bàn huyện	435.2	397.3	428	437	393.0	391.6	413.6	

Qua bảng 1 kết quả khảo sát thực trạng tổ chức hoạt động TDTT quần chúng ở xã/ phường/ thị trấn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2021, khu vực 11 huyện miền núi (Mường Lát, Quan Hóa, Quan Sơn, Lang Chánh, Bá Thước, Ngọc Lặc, Cẩm Thủy, Thạch Thành, Thường Xuân, Như Xuân, Như Thanh) có kết quả cụ thể như sau:

Số lượng câu lạc bộ (CLB) TDTT đang hoạt động tại khu vực 11 huyện miền núi năm 2016 là 52.6; năm 2017 là 54.6; năm 2018 là 59.3; năm 2019 là 42.5; năm 2020 là 45.0; năm 2021 là 47.1. Bình quân trong giai đoạn 2016 - 2021 là 50.1 CLB đang hoạt động tại địa bàn.

Nhận xét chung: Số lượng CLB tăng lên từng năm từ năm 2016 đến năm 2018 nhưng năm 2019 giảm; năm 2020 và năm 2021 lại có dấu hiệu tăng trở lại; nguyên nhân năm 2019

giảm là do ảnh hưởng của đại dịch Covid - 19 nên mọi hoạt động TDTT quần chúng nói riêng, cũng như các hoạt động khác nói chung đều có dấu hiệu suy giảm, nhưng đến cuối năm 2021 các hoạt động đã dần trở lại bình thường.

Số người dân thường xuyên tham gia hoạt động TDTT hiện tại khu vực 11 huyện miền núi đều có kết quả tăng dần theo từng năm từ năm 2016 là 23.0%; tăng dần đều đến năm 2021 là 29.6%. Bình quân trong giai đoạn 2016 - 2021 là 26.7%; nguyên nhân là mọi người nhận biết được tác dụng của TDTT quần chúng có ảnh hưởng tốt đến sức khỏe, nên tỷ lệ được tăng dần đều, mặc dù có ảnh hưởng từ Covid - 19 nhưng tỷ lệ vẫn không giảm, do tự tập luyện tại nhà, tập theo hướng dẫn của thầy hoặc huấn luyện viên qua hình thức online, hoặc tập một mình tại chỗ vắng. Số cộng tác viên (hướng dẫn viên) TDTT hiện tại trên địa bàn 11 huyện miền núi đều có kết quả tăng dần theo từng năm từ năm 2016 là 52.0; tăng dần đều đến năm 2021 là 53.4%. Bình quân trong giai đoạn 2016 - 2021 là 52.4. Do tập luyện TDTT quần chúng đối với người dân luôn có nhu cầu, mặc dù ảnh hưởng của Covid - 19 nhưng vẫn tăng về số lượng. Số công trình thể thao cơ sở vật chất hiện tại trên địa bàn 11 huyện miền núi giai đoạn 2016 - 2021 cụ thể là: Tổng số nhà tập luyện, thi đấu thể thao đa năng bình quân 2.0 nhà; Tổng số nhà tập luyện, thi đấu thể thao đơn môn bình quân 2.2 nhà; Tổng số bể bơi bình quân 2.2 bể; Tổng số sân vận động có khán đài bình quân 1.3 sân; Tổng số sân vận động không khán đài bình quân 11.4 sân; Tổng số sân bóng đá mi ni bình quân 54.1 sân; Tổng số sân bóng chuyền bình quân 121.4 sân; Tổng số sân bóng rổ bình quân 9.2 sân; Tổng số sân cầu lông bình quân 73.1 sân; Tổng số sân quần vợt bình quân 0.37 sân.

Qua khảo sát công trình thể thao cơ sở vật chất hiện tại trên địa bàn 11 huyện miền núi cho thấy số cơ sở vật chất môn bóng chuyền là nhiều nhất 121.4 sân/huyện, chứng tỏ môn bóng chuyền được nhiều người quan tâm tập luyện; đứng thứ 2 là môn cầu lông với số lượng 73.1 sân/ huyện, môn này cũng được nhiều người tham gia tập luyện vì dễ chơi, và phù hợp với nhiều lứa tuổi cũng như giới tính; thứ 3 là môn bóng đá cũng được nhiều người quan tâm, tham gia tập luyện nên cơ sở vật chất cũng được đầu tư với số lượng bình quân 54.1 sân/huyện. Còn các cơ sở vật chất như nhà tập luyện, thi đấu thể thao đa năng, nhà tập luyện, thi đấu thể thao đơn môn, sân vận động có khán đài, sân vận động không có khán đài, bể bơi, sân quần vợt, sân bóng rổ còn rất hạn chế. Nguyên nhân do kinh phí đầu tư cao, vượt quá khả năng của người dân, nguồn kinh phí chủ yếu là của nhà nước nên còn hạn chế nhiều, các yếu tố này cũng ảnh hưởng đến sự phát triển TDTT quần chúng nói riêng và phát triển TDTT nói chung. Số giải thể thao tổ chức hàng năm trên địa bàn 11 huyện miền núi giai đoạn 2016 - 2021 và số giải Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh quyết định tổ chức cụ thể là: Số giải có thay đổi theo từng năm, do nhiều yếu tố khác nhau, khách quan, chủ quan ảnh hưởng đến số lượng các giải đấu, số giải thể thao quần chúng do Ủy ban Nhân dân cấp xã quyết định tổ chức bình quân 26.3 giải/ năm; Tổng số giải thể thao quần chúng do Ủy ban Nhân dân cấp huyện quyết định tổ chức 2.9 giải/ năm; Tổng số giải thể thao quần chúng do Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh quyết định tổ chức bình quân 19.5 giải/ năm.

Kinh phí hoạt động TDTT trên địa bàn 11 huyện miền núi giai đoạn 2016 - 2021 qua khảo sát thấy kinh phí các huyện cấp cho hoạt động TDTT quần chúng giao động trên dưới 400 triệu

THỂ DỤC THỂ THAO

đồng/ năm, bình quân là 413.6 triệu đồng. Với kinh phí này cấp cho hoạt động TDTT một huyện/ năm là tương đối ít, khó triển khai các công việc một cách thuận lợi, hiệu quả.

4.1.2. Kết quả khảo sát khu vực các huyện ven biển Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2021

Bảng 2: Thực trạng tổ chức hoạt động TDTT quần chúng ở xã/ phường/ thị trấn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2021 khu vực các huyện ven biển (n=8)

Nội dung	Năm						Trung bình	Ghi chú
	2016	2017	2018	2019	2020	2021		
Số lượng câu lạc bộ TDTT đang hoạt động tại địa bàn huyện/ thị xã/ thành phố	101.1	105.5	111.2	115	118.1	118.3	111.5	Số CLB
Số người dân thường xuyên tham gia hoạt động TDTT hiện tại trên địa bàn huyện/ thị xã/ thành phố	36.4%	37.6%	40.3%	39.0%	41.9%	43.3%	39.7%	Tỷ lệ %
Số cộng tác viên (hướng dẫn viên) thể dục thể thao hiện tại trên địa bàn huyện/ thị xã/ thành phố	52.5	57.6	59.2	62.6	65.5	66.1	60.6	Số CTV
Số công trình thể thao cơ sở vật chất hiện tại trên địa bàn huyện/ thị xã/ thành phố								
Tổng số nhà tập luyện, thi đấu thể thao đa năng	1.5	2.125	2.125	2.25	2.75	2.875	2.3	Tổng số công trình thể thao đang sử dụng cho hoạt động TDTT trên địa bàn
Tổng số nhà tập luyện, thi đấu thể thao đơn môn	9.8	10.1	10.3	11	11.8	11.8	10.8	
Tổng số bể bơi	6.6	7.7	9	11	12.1	12.5	9.8	
Tổng số sân vận động có khán đài	3.6	4.2	4.2	6.3	6.6	6.8	5.3	
Tổng số sân vận động không khán đài	23.7	24.2	24.8	23.3	23.3	23.2	23.7	
Tổng số sân bóng đá mi ni	94.1	96.2	101	94.5	99.5	100.3	97.6	
Tổng số sân bóng chuyên	178.3	188.8	191	185.2	188.6	193.8	187.6	
Tổng số sân bóng rổ	8.3	9.6	13.6	14	14.8	14.8	12.5	
Tổng số sân cầu lông	145.8	150.2	154.6	173.5	177.3	179.3	163.4	
Tổng số sân quần vợt	2.625	2.875	4.125	4.25	4.75	4.75	3.9	
Số giải thể thao tổ chức hàng năm trên địa bàn huyện/ thị xã/ thành phố								
Tổng số giải thể thao quần chúng do Ủy ban Nhân dân cấp xã quyết định tổ chức	47.1	58	55.2	54.5	31.1	19.6	36.4	Tổng số giải thể thao quần chúng được tổ chức trên địa bàn
Tổng số giải thể thao quần chúng do Ủy ban Nhân dân cấp huyện quyết định tổ chức	7.5	8	9	7.2	3.2	3.2	6.35	
Tổng số giải thể thao quần chúng do Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh quyết định tổ chức	15	29	24	14	15	20	19.5	

Kinh phí hoạt động TDTT trên địa bàn huyện/ thị xã thành phố/1 năm	630.7	654.8	654.5	639.3	613.2	624.5	636.2	Triệu đồng
---	-------	-------	-------	-------	-------	-------	--------------	------------

Qua bảng 2 kết quả khảo sát thực trạng tổ chức hoạt động TDTT quần chúng ở xã/ phường/ thị trấn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2021 khu vực các huyện ven biển, thành phố (gồm: Thành phố Thanh Hóa, thành phố Sầm Sơn, thị xã Bim Sơn, thị xã Nghi Sơn; huyện Hậu Lộc, huyện Nga Sơn, huyện Hoàng Hóa, Quảng Xương) có kết quả cụ thể như sau: Số lượng CLB TDTT đang hoạt động tại khu vực 8 huyện ven biển, thành phố có tỷ lệ tăng dần năm 2016 là 101.1 CLB; đến 2021 là 118.3 CLB. Bình quân trong giai đoạn 2016 - 2021 là 111.5 CLB đang hoạt động tại địa bàn.

Nhận xét chung: số lượng CLB có tăng lên từng năm nhưng không nhiều, cho thấy mức độ tập luyện TDTT quần chúng tương đối ổn định. Số người dân thường xuyên tham gia hoạt động TDTT hiện tại khu vực 8 huyện ven biển, thành phố đều có kết quả tăng dần theo từng năm từ năm 2016 là 36.4%; tăng dần đều đến năm 2021 là 43.3%. Bình quân trong giai đoạn 2016 - 2021 là 39.7%; do nhận biết được ý nghĩa, tác dụng của TDTT quần chúng có ảnh hưởng tốt đến sức khỏe nên tỷ lệ được tăng dần đều, mặc dù có ảnh hưởng từ dịch Covid - 19 nhưng tỷ lệ vẫn không giảm, do tự tập luyện tại nhà, tập theo hướng dẫn của thầy, huấn luyện viên qua hình thức online, hoặc tập một mình tại chỗ vắng. Số cộng tác viên (hướng dẫn viên) TDTT hiện tại trên địa bàn 8 huyện ven biển, thành phố đều có kết quả tăng dần theo từng năm từ 2016 là 52.5; tăng dần đều đến 2021 là 66.1%. Bình quân trong giai đoạn 2016 - 2021 là 60.6. Nhu cầu tập luyện TDTT quần chúng đối với người dân luôn cao, mặc dù do ảnh hưởng của dịch Covid - 19 nhưng vẫn tăng về số lượng. Số công trình thể thao cơ sở vật chất hiện tại trên địa bàn 8 huyện ven biển, thành phố giai đoạn 2016 - 2021 cụ thể là: Tổng số nhà tập luyện, thi đấu thể thao đa năng bình quân 2.3 nhà; Tổng số nhà tập luyện, thi đấu thể thao đơn môn bình quân 10.8 nhà; Tổng số bể bơi bình quân 9.8 bể; Tổng số sân vận động có khán đài bình quân 5.3 sân; Tổng số sân vận động không khán đài bình quân 23.7 sân; Tổng số sân bóng đá mi ni bình quân 97.6 sân; Tổng số sân bóng chuyền bình quân 187.6 sân; Tổng số sân bóng rổ bình quân 12.5 sân; Tổng số sân cầu lông bình quân 163.4 sân; Tổng số sân quần vợt bình quân 3.9 sân.

Qua khảo sát công trình thể thao cơ sở vật chất hiện tại trên địa bàn huyện ven biển, thành phố cho thấy số cơ sở vật chất môn bóng chuyền là nhiều nhất 187.6 sân/ huyện, chứng tỏ môn bóng chuyền được nhiều người quan tâm tập luyện; đứng thứ 2 là môn cầu lông với số lượng 163.4 sân/ huyện, môn này cũng được nhiều người tham gia tập luyện vì dễ chơi, và phù hợp với nhiều lứa tuổi cũng như giới tính; thứ 3 là môn bóng đá cũng được nhiều người quan tâm tham gia tập luyện nên cơ sở vật chất cũng được đầu tư với số lượng bình quân 97.6 sân/ huyện. Còn các cơ sở vật chất như nhà tập luyện, thi đấu thể thao đa năng, nhà tập luyện, thi đấu thể thao đơn môn, sân vận động có khán đài, sân vận động không có khán đài, bể bơi, sân quần vợt, sân bóng rổ còn rất hạn chế. Nguyên nhân do kinh phí đầu tư cao, vượt quá khả

THỂ DỤC THỂ THAO

năng của người dân, nguồn kinh phí chủ yếu là của nhà nước nên còn hạn chế nhiều, các yếu tố này cũng ảnh hưởng đến sự phát triển TDTT quần chúng nói riêng và phát triển TDTT nói chung. Số giải thể thao tổ chức hàng năm trên địa bàn 8 huyện ven biển, thành phố giai đoạn năm 2016 - 2021 và số giải Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh quyết định tổ chức cụ thể là: Số giải có thay đổi theo từng năm, do nhiều yếu tố khác nhau, khách quan, chủ quan ảnh hưởng đến số lượng các giải đấu; số giải thể thao quần chúng do Ủy ban Nhân dân cấp xã quyết định tổ chức bình quân 36.4 giải/ năm; Tổng số giải thể thao quần chúng do Ủy ban Nhân dân cấp huyện quyết định tổ chức 6.3 giải/ năm; Tổng số giải thể thao quần chúng do Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh quyết định tổ chức bình quân 19.5 giải/ năm.

Kinh phí hoạt động TDTT trên địa bàn 8 huyện ven biển, thành phố giai đoạn 2016 - 2021 qua khảo sát thấy kinh phí các huyện cấp cho hoạt động TDTT quần chúng giao động trên dưới 600 triệu đồng/năm, bình quân là 636.2 triệu đồng. Với kinh phí này cấp cho hoạt động TDTT một huyện/năm là ở mức trung bình.

4.1.3. Kết quả khảo sát khu vực các huyện đồng bằng Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2021

Bảng 3: Thực trạng tổ chức hoạt động TDTT quần chúng ở xã/ phường/ thị trấn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2021 khu vực các huyện đồng bằng (n=8)

Nội dung	Năm						Trung bình	Ghi chú
	2016	2017	2018	2019	2020	2021		
Số lượng câu lạc bộ TDTT đang hoạt động tại địa bàn huyện/ thị xã/ thành phố	110.6	114.2	120	128.2	136	135.1	124	Số CLB
Số người dân thường xuyên tham gia hoạt động TDTT hiện tại trên địa bàn huyện/ thị xã/ thành phố	37.5%	38.5%	39.2%	40.6%	41.4%	42.4%	39.9%	Tỷ lệ %
Số cộng tác viên (hướng dẫn viên) TDTT hiện tại trên địa bàn huyện/ thị xã/ thành phố	48.3	49.1	50.7	51.5	54	54.7	51.3	Số CTV
Số công trình thể thao cơ sở vật chất hiện tại trên địa bàn huyện/ thị xã/ thành phố								
Tổng số nhà tập luyện, thi đấu thể thao đa năng	9.1	9.6	10.2	11.5	11.7	11.8	10.6	Tổng số công trình thể thao đang sử dụng cho hoạt động TDTT trên địa bàn
Tổng số nhà tập luyện, thi đấu thể thao đơn môn	11	11.2	12.1	12.3	13	13.2	12.1	
Tổng số bể bơi	5.7	5.8	6.2	6.8	7.3	7.6	6.5	
Tổng số sân vận động có khán đài	3.7	4.1	4.8	5.7	6.8	7.3	5.4	
Tổng số sân vận động không khán đài	17.6	17.3	16.7	16.3	15.8	15.2	16.4	
Tổng số sân bóng đá mi ni	74.3	78.7	80.5	97	112	100	90.4	
Tổng số sân bóng chuyên	131.1	134	135	147.2	152.5	159.2	143.2	
Tổng số sân bóng rổ	7.3	7.3	7.3	7.6	7.7	7.7	7.4	

Tổng số sân cầu lông	139.5	144.1	148.5	146.2	150.8	150.8	146.6	
Tổng số sân quần vợt	2.3	2.3	2.6	2.6	2.6	2.6	2.5	
Số giải thể thao tổ chức hàng năm trên địa bàn huyện/ thị xã/ thành phố								
Tổng số giải thể thao quần chúng do Ủy ban Nhân dân cấp xã quyết định tổ chức	76.2	76.2	56.2	68.8	46.8	43.3	48.5	Tổng số giải thể thao quần chúng được tổ chức trên địa bàn
Tổng số giải thể thao quần chúng do Ủy ban Nhân dân cấp huyện quyết định tổ chức	6.5	6.5	6.6	6.7	5.1	5.3	6.1	
Tổng số giải thể thao quần chúng do Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh quyết định tổ chức	15	29	24	14	15	20	19.5	
Kinh phí hoạt động TDTT trên địa bàn huyện/ thị xã/ thành phố/1 năm	521.2	521.2	579.3	616.3	540	623.6	566.9	Triệu đồng

Qua bảng 3 kết quả khảo sát thực trạng tổ chức hoạt động TDTT quần chúng ở xã/ phường/ thị trấn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2021, khu vực các huyện đồng bằng (Yên Định, Thiệu Hóa, Triệu Sơn, Đông Sơn, Vĩnh Lộc, Hà Trung, Thọ Xuân, Nông Cống) có kết quả cụ thể như sau: Số lượng CLB TDTT đang hoạt động tại khu vực 8 huyện đồng bằng có tỷ lệ tăng dần năm 2016 là 110.6 CLB; đến năm 2021 là 135.1 CLB. Bình quân trong giai đoạn 2016 - 2021 là 124 CLB đang hoạt động tại địa bàn.

Nhận xét chung: Số lượng CLB có tăng lên từng năm nhưng không nhiều, cho thấy mức độ tập luyện TDTT quần chúng tương đối ổn định. Số người dân thường xuyên tham gia hoạt động TDTT có kết quả tăng dần theo từng năm từ năm 2016 là 37.5%; tăng dần đều đến năm 2021 là 42.4%. Bình quân trong giai đoạn 2016 - 2021 là 39.9; do nhận biết được ý nghĩa, tác dụng của TDTT quần chúng có ảnh hưởng tốt đến sức khỏe nên tỷ lệ được tăng dần đều, mặc dù có ảnh hưởng từ dịch Covid - 19 nhưng tỷ lệ vẫn không giảm, do tự tập luyện tại nhà, tập theo hướng dẫn của thầy, huấn luyện viên qua hình thức online, hoặc tập một mình tại chỗ vắng. Số cộng tác viên (hướng dẫn viên) TDTT hiện tại đều có kết quả tăng dần theo từng năm từ năm 2016 là 48.3; tăng dần đều đến năm 2021 là 54.7%. Bình quân trong giai đoạn 2016 - 2021 là 51.3. Nhu tập luyện TDTT quần chúng đối với người dân luôn cao, mặc dù do ảnh hưởng của dịch Covid - 19 nhưng vẫn tăng về số lượng. Số công trình thể thao cơ sở vật chất hiện tại giai đoạn 2016 - 2021 cụ thể là: Tổng số nhà tập luyện, thi đấu thể thao đa năng bình quân 10.6 nhà; Tổng số nhà tập luyện, thi đấu thể thao đơn môn bình quân 12.1 nhà; Tổng số bể bơi bình quân 6.5 bể; Tổng số sân vận động có khán đài bình quân 5.4 sân; Tổng số sân vận động không khán đài bình quân 16.4 sân; Tổng số sân bóng đá mi ni bình quân 90.4 sân; Tổng số sân bóng chuyên bình quân 143.2 sân; Tổng số sân bóng rổ bình quân 7.4 sân; Tổng số sân cầu lông bình quân 146.6 sân; Tổng số sân quần vợt bình quân 2.5 sân.

THỂ DỤC THỂ THAO

Qua khảo sát công trình thể thao cơ sở vật chất hiện tại trên địa bàn các huyện đồng bằng cho thấy số cơ sở vật chất môn cầu lông là nhiều nhất 146.6 sân/ huyện, môn này được nhiều người tham gia tập luyện vì dễ chơi và phù hợp với nhiều lứa tuổi cũng như giới tính; đứng thứ 2 là môn bóng chuyền với số lượng 143.2 sân/ huyện, chứng tỏ môn bóng chuyền được nhiều người quan tâm tập luyện; thứ 3 là môn bóng đá cũng được nhiều người quan tâm tham gia tập luyện nên cơ sở vật chất được đầu tư với số lượng bình quân 90.4 sân/ huyện. Còn các cơ sở vật chất như nhà tập luyện, thi đấu thể thao đa năng, nhà tập luyện, thi đấu thể thao đơn môn, sân vận động có khán đài, sân vận động không có khán đài, bể bơi, sân quần vợt, sân bóng rổ còn rất hạn chế. Nguyên nhân do kinh phí đầu tư cao, vượt quá khả năng của người dân, nguồn kinh phí chủ yếu là của nhà nước nên còn hạn chế nhiều, các yếu tố này cũng ảnh hưởng đến sự phát triển TDTT quần chúng nói riêng và phát triển TDTT nói chung. Số giải thể thao tổ chức hàng năm trên địa bàn 8 huyện đồng bằng giai đoạn 2016 - 2021 và số giải Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh quyết định tổ chức cụ thể là: Số giải có thay đổi theo từng năm, do nhiều yếu tố khác nhau, khách quan, chủ quan ảnh hưởng đến số lượng các giải đấu, bình quân số giải thể thao quần chúng do Ủy ban Nhân dân cấp xã quyết định tổ chức bình quân 48.5 giải/ năm; Tổng số giải thể thao quần chúng do Ủy ban Nhân dân cấp huyện quyết định tổ chức 6.1 giải/ năm; Tổng số giải thể thao quần chúng do Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh quyết định tổ chức bình quân 19.5 giải/ năm. Kinh phí hoạt động TDTT trên địa bàn 8 huyện đồng bằng giai đoạn 2016 - 2021 qua khảo sát thấy kinh phí các huyện cấp cho hoạt động TDTT quần chúng giao động trên dưới 500 triệu đồng/năm, bình quân là 566.9 triệu đồng. Với kinh phí này cấp cho hoạt động TDTT một huyện/năm là ở mức trung bình.

4.2. So sánh kết quả thực trạng tổ chức hoạt động thể dục thể thao quần chúng ở xã/ phường/ thị trấn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2021 tại các vùng miền

Bảng 4: So sánh thực trạng tổ chức hoạt động thể dục thể thao quần chúng ở xã/ phường/ thị trấn tỉnh Thanh Hóa tại các vùng miền tỉnh Thanh Hóa

Nội dung	Năm (2016 - 2021)			Trung bình	Ghi chú
	Khu vực các huyện miền núi (n=11)	Khu vực các huyện ven biển, thành phố (n=8)	Khu vực các huyện đồng bằng (n=8)		
Số lượng câu lạc bộ TDTT đang hoạt động tại địa bàn huyện/ thị xã/ thành phố	50.1	111.5	124	95.2	Số CLB
Số người dân thường xuyên tham gia hoạt động TDTT hiện tại trên địa bàn huyện/ thị xã/ thành phố	26.7%	39.7%	39.9%	35.4%	Tỷ lệ %
Số công tác viên (hướng dẫn viên) TDTT hiện tại trên địa bàn huyện/ thị xã/ thành phố	52.4	60.6	51.3	54.8	Số CTV
Số công trình thể thao cơ sở vật chất hiện tại trên địa bàn huyện/ thị xã/ thành phố					
Tổng số nhà tập luyện, thi đấu thể thao đa năng	2.0	2.3	10.6	4.9	Tổng số công

Tổng số nhà tập luyện, thi đấu thể thao đơn môn	2.2	10.8	12.1	8.3	trình thể thao
Tổng số bể bơi	2.2	9.8	6.5	6.2	đang sử dụng
Tổng số sân vận động có khán đài	1.3	5.3	5.4	4	cho hoạt động
Tổng số sân bóng đá mi ni	54.1	97.6	90.4	80.7	TDTT
Tổng số sân bóng chuyên	121.4	187.6	143.2	150.7	trên địa bàn
Tổng số sân bóng rổ	9.2	12.5	7.4	9.7	
Tổng số sân cầu lông	73.1	163.4	146.6	127.7	
Tổng số sân quần vợt	0.37	3.9	2.5	2.2	
Số giải thể thao tổ chức hàng năm trên địa bàn huyện/ thị xã/ thành phố					
Tổng số giải thể thao quần chúng do Ủy ban Nhân dân cấp xã quyết định tổ chức	26.3	36.4	48.5	28.3	Tổng số giải thể thao quần chúng được tổ chức trên địa bàn
Tổng số giải thể thao quần chúng do Ủy ban Nhân dân cấp huyện quyết định tổ chức	2.9	6.35	6.1	5.1	
Tổng số giải thể thao quần chúng do Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh quyết định tổ chức	19.5	19.5	19.5	19.5	
Kinh phí hoạt động TDTT trên địa bàn huyện/ thị xã/ thành phố/1 năm	413.6	636.2	566.9	538.9	Triệu đồng

Kết quả của bảng 4 so sánh thực trạng tổ chức hoạt động TDTT quần chúng ở xã/ phường/ thị trấn tỉnh Thanh Hóa tại ba khu vực vùng/miền, cụ thể như sau:

Số lượng CLB TDTT đang hoạt động tại địa bàn huyện/ thị xã/ thành phố: Khu vực các huyện miền núi 50.1; Khu vực các huyện ven biển, thành phố 111.5; Khu vực các huyện đồng bằng 124; Trung bình các khu vực là 95.2.

Số người dân thường xuyên tham gia hoạt động TDTT hiện tại trên địa bàn huyện/ thị xã/ thành phố khu vực các huyện miền núi 26.%; khu vực các huyện ven biển, thành phố 39.7%; khu vực đồng bằng 39.9%; Trung bình các khu vực là 35.4%.

Kết quả khảo sát qua 3 khu vực về số lượng CLB TDTT, người dân thường xuyên tham gia hoạt động TDTT cho thấy khu vực miền núi ít hơn hẳn về số lượng CLB 50.1, khu vực đồng bằng nhiều nhất 124; người dân thường xuyên tham gia hoạt động TDTT cũng có kết quả tương tự, cụ thể 26.%, so với 39.9%. Điều đó cho thấy mức độ hoạt động TDTT quần chúng có sự chênh lệch rõ ràng, nguyên nhân là khu vực miền núi cơ sở vật chất thiếu thốn hạn chế, số lượng dân số ít, điều kiện kinh tế khó khăn, diện tích đất dành cho hoạt động TDTT chưa đáp ứng nhu cầu của người dân.

Số cộng tác viên (hướng dẫn viên) TDTT hiện tại trên địa bàn huyện/ thị xã/ thành phố khu vực các huyện miền núi 52.4; Khu vực các huyện ven biển, thành phố 60.6; Khu vực đồng bằng 51.3; Trung bình các khu vực là 54.8. Kết quả trên cho thấy ở cả 3 khu vực có kết

quả tương đối đồng đều nhau. Số công trình thể thao cơ sở vật chất hiện tại trên địa bàn huyện/ thị xã/ thành phố: Tổng số nhà tập luyện, thi đấu thể thao đa năng, khu vực các huyện miền núi 2.0; Khu vực các huyện ven biển, thành phố 2.3; Khu vực đồng bằng 10.6; Trung bình các khu vực là 4.9. Tổng số nhà tập luyện, thi đấu thể thao đơn môn: Khu vực các huyện miền núi 2.2; Khu vực các huyện ven biển, thành phố 10.8; Khu vực đồng bằng 12.1; Trung bình các khu vực là 8.3. Tổng số bể bơi: Khu vực các huyện miền núi 2.2; Khu vực các huyện ven biển, thành phố 9.8; Khu vực đồng bằng 6.5; Trung bình các khu vực là 6.2. Tổng số sân vận động có khán đài: Khu vực các huyện miền núi 1.3; Khu vực các huyện ven biển, thành phố 5.3; Khu vực đồng bằng 5.4; Trung bình các khu vực là 4.0. Tổng số sân vận động không khán đài: Khu vực các huyện miền núi 11.4; Khu vực các huyện ven biển, thành phố 23.7; Khu vực đồng bằng 16.4; Trung bình các khu vực là 17.2.

Tổng số sân bóng đá mi ni: Khu vực miền núi 54.1; Khu vực ven biển, thành phố 97.6; Khu vực đồng bằng 90.4; Trung bình các khu vực là 80.7. Tổng số sân bóng chuyền: Khu vực các huyện miền núi 121.4; Khu vực ven biển, thành phố 187.6; Khu vực đồng bằng 143.2; Trung bình các khu vực là 150.7. Tổng số sân bóng rổ: Khu vực miền núi 9.2; Khu vực ven biển, thành phố 12.5; Khu vực đồng bằng 7.4; Trung bình các khu vực là 9.7. Tổng số sân cầu lông: Khu vực miền núi 73.1; Khu vực các huyện ven biển, thành phố 163.4; Khu vực các huyện đồng bằng 146.6; Trung bình các khu vực là 127.7. Tổng số sân quần vợt: Khu vực các huyện miền núi 0.3; Khu vực các huyện ven biển, thành phố 3.9; Khu vực các huyện đồng bằng 2.5; Trung bình các khu vực là 2.2.

Kết quả khảo sát về công trình thể thao cơ sở vật chất trên 3 khu vực cho thấy sự chênh nhau giữa miền núi và đồng bằng, bình quân miền núi chỉ chiếm tỷ lệ một phần ba so với đồng bằng; còn giữa ven biển thành phố và đồng bằng có kết quả tương đồng nhau, có sự đảo chiều nhau ở một số môn.

Số giải thể thao tổ chức hàng năm trên địa bàn huyện/ thị xã/ thành phố: Tổng số giải thể thao quần chúng do Ủy ban Nhân dân cấp xã quyết định tổ chức, khu vực các huyện miền núi 26.3; khu vực ven biển, thành phố 36.4; khu vực đồng bằng 48.5; trung bình các khu vực là 28.3. Tổng số giải thể thao quần chúng do Ủy ban Nhân dân cấp huyện quyết định tổ chức, khu vực các huyện miền núi 2.9; khu vực các huyện ven biển, thành phố 6.3; khu vực các huyện đồng bằng 6.1; trung bình các khu vực là 5.1. Kinh phí hoạt động TDTT trên địa bàn huyện/ thị xã/ thành phố/1 năm: khu vực các huyện miền núi 413.6 triệu đồng; khu vực các huyện ven biển, thành phố 636.2 triệu đồng; khu vực đồng bằng 566.9 triệu đồng; trung bình các khu vực là 538.9 triệu đồng. Kết quả khảo sát số giải thể thao tổ chức hàng năm, kinh phí đầu tư cho hoạt động TDTT ở 3 khu vực cho thấy khu vực miền núi ít hơn hẳn so với ven biển, thành phố và đồng bằng.

5. Thảo luận

Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng quản lý hoạt động TDTT quần chúng ở xã/ phường/ thị trấn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2021 cho thấy kết quả: Khu vực các huyện miền núi có kết quả hoạt động TDTT quần chúng thấp hơn hẳn về số người tham gia, số lượng CLB, cơ sở vật chất hạn chế, kinh phí đầu tư chưa nhiều.

Như vậy, bên cạnh những mặt tích cực và những keetsd quả đạt được vẫn còn có những hạn chế trong quản lý hoạt động này. Vì vậy, việc đánh giá thực trạng quản lý hoạt động TDTT quần chúng ở xã/ phường/ thị trấn tỉnh Thanh Hóa là rất cần thiết, đây là cơ sở để xây dựng mô hình tổ chức hoạt động TDTT quần chúng ở xã/ phường/ thị trấn tỉnh Thanh Hóa có hiệu quả hơn.

6. Kết luận

Qua khảo sát về hoạt động TDTT quần chúng ở các xã/ phường/ thị trấn của ba vùng miền tỉnh Thanh Hóa cho thấy: Số lượng CLB TDTT (trung bình có 50.1 CLB), số người dân thường xuyên tham gia hoạt động TDTT ở khu vực miền núi ít nhất so với các vùng miền (trung bình có 26%), còn khu vực đồng bằng có số lượng CLB TDTT nhiều nhất (trung bình có 124 CLB) và số người dân thường xuyên tham gia hoạt động TDTT (trung bình có 39,9 %). Bên cạnh đó, tổng số giải thể thao quần chúng do Ủy ban Nhân dân cấp huyện quyết định tổ chức ở khu vực miền núi cũng thấp hơn so với các vùng miền khác. Cơ sở vật chất hạn chế, kinh phí đầu tư đối với các hoạt động TDTT ở khu vực miền núi chưa nhiều so với các vùng miền trong tỉnh: kinh phí trên địa bàn huyện/ thị xã/ thành phố/1 năm đối với khu vực miền núi là 413.6 triệu đồng; khu vực các huyện ven biển, thành phố 636.2 triệu đồng; khu vực đồng bằng 566.9 triệu đồng;

Nguyên nhân do khu vực miền núi điều kiện kinh tế khó khăn, vị trí địa lý không thuận lợi, dân cư thưa thớt, nhận thức của người dân về hoạt động TDTT quần chúng chưa cao, phương pháp quản lý chưa khoa học, chưa có mô hình tổ chức hoạt động TDTT cụ thể, các cấp quản lý chưa quan tâm chú trọng đến việc phát triển các hoạt động TDTT quần chúng xã phường. Vì vậy, để phong trào TDTT quần chúng phát triển một cách đồng đều cần có các chủ trương chính sách phù hợp với từng khu vực, cùng với những phương hướng, giải pháp cụ thể nhằm phát triển phong trào TDTT quần chúng xã/ phường/ thị trấn tỉnh Thanh Hoá đạt kết quả cao.

Tài liệu tham khảo

[1]. Du Kế Anh (2000), *Quản lý công tác thể dục thể thao nông dân* (Đình Thọ dịch), NXB Thể dục Thể thao, Hà Nội.

[2]. Trà Tân Bình (2021), "*Quản lý hoạt động thể dục thể thao quần chúng trên địa bàn huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam*", Luận văn thạc sĩ Quản lý Văn hóa, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

[3]. Lê Văn Chanh (2019), "*Chính sách phát triển phong trào thể thao quần chúng trên địa bàn huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam*", Luận văn thạc sĩ chuyên ngành Chính sách công, Học viện Khoa học Xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.

[4]. Thủ tướng Chính phủ (2013), Quyết định số 2164/QĐ-TTg, ngày 11/11/2013 phê duyệt "*Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013 - 2020, định hướng đến năm 2030*".

[5]. Nguyễn Toán, Phạm Danh Tôn (2003), *Lý luận và phương pháp thể dục thể thao*, NXB Thể dục Thể thao, Hà Nội.

[6]. Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa (2016), Quyết định số 5118/QĐ-UBND Thanh Hóa 30/12 /2016 về việc phê duyệt “*Đề án phát triển TDTT tỉnh Thanh Hóa trở thành trung tâm mạnh hàng đầu của cả nước vào năm 2020, định hướng đến năm 2025*”.

[7]. Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa (2021), Quyết định số 4804/QĐ-UBND Thanh Hóa 29/11 /2021 về việc phê duyệt đề cương nhiệm vụ “*Đề án phát triển thể dục thể thao của tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*”.

**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG THỂ DỤC
THỂ THAO QUẦN CHÚNG Ở XÃ/ PHƯỜNG/ THỊ TRẤN
TỈNH THANH HÓA, GIAI ĐOẠN 2016 - 2021**

Trịnh Ngọc Trung^a
Le Thi Thanh Loan^b

^aTrường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa
Email: trinhngoctrung@dvttdt.edu.vn

^bTrường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa
Email: lethithanhloan@dvttdt.edu.vn

Ngày nhận bài: 08/7/2022
Ngày phản biện: 27/9/2022
Ngày tác giả sửa: 23/10/2022
Ngày duyệt đăng: 25/10/2022
Ngày phát hành: 30/10/2022

Kết quả điều tra, khảo sát, đánh giá hoạt động thể dục thể thao quần chúng tại các xã/ phường/ thị trấn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2021 là cơ sở để nhóm tác giả xây dựng mô hình tổ chức hoạt động thể dục thể thao quần chúng ở xã/ phường/ thị trấn tỉnh Thanh Hóa đạt hiệu quả cao hơn, nâng cao chất lượng sức khỏe cộng đồng.

Từ khóa: Thực trạng công tác tổ chức; Hoạt động TDTT; Xã/ phường/ thị trấn tỉnh Thanh Hóa.